

Bản án số: 12/2022/DS-ST
Ngày 30-6-2022
V/v tranh chấp kiện đòi tiền đặt cọc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thị Nhàn

Ông Đỗ Văn Thư

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Trí Thắng - Thư ký Toà án huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2021/TLST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2021 về Tranh chấp kiện đòi tiền đặt cọc theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2022/QĐST-DS ngày 07 năm 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Bùi Văn B; địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Công M - Luật sư văn phòng luật sư C, đoàn luật sư thành phố Hải phòng; có mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ DAEFSHIN H; địa chỉ trụ sở: Số 21, tổ 4, thị trấn A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mai C, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn K, xã Q huyện An Dương, thành phố Hải Phòng là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ DAEFSHIN H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Bùi Văn B và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ DAEFSHIN H (gọi tắt là Công ty H) do bà Nguyễn Thị Mai C là giám đốc đã cung cấp dịch vụ đi du lịch cho chị Nguyễn Thị Kim T là con gái ông B 05 lần cụ thể lần 1 từ ngày 29/8/2018 đến ngày 29/11/2018; lần 2 từ ngày 06/01/2019; lần 3 từ ngày 02/4/2019 đến ngày 02/7/2019; lần 4 từ ngày 19/8/2019 đến ngày 19/11/2019; lần 5 từ ngày 19/11/2019 đến ngày 19/02/2020. Trong đó đi du lịch tại Hàn Quốc 4 lần và đi du lịch Hồng Kông 01 lần. Mỗi lần đi công ty H thu trọn gói 230.000.000đồng để làm phí dịch vụ đi du lịch, số tiền còn lại công ty H hỗ trợ đủ 300.000.000đồng. Do là người cùng xã đến tháng 9/2019 ông mới ký hợp đồng bảo lãnh với công ty H. Nội dung hợp đồng công ty H tổ chức cho ông B các dịch vụ đi du lịch ở nước ngoài cụ thể thăm quan du lịch tại Hàn Quốc trong thời gian từ ngày 20/4/2011 đến ngày 18/5/2019, người đi du lịch là chị Nguyễn Thị Kim T. Đảm bảo quyền lợi cho công ty H trước Đại sứ quán Hàn Quốc trong việc sử dụng pháp nhân của công ty H để bảo lãnh làm thủ tục xin visa đi du lịch cho chị T và đảm bảo sự trở về Việt Nam của chị T. Ông B phải đặt cọc số tiền 300.000.000đồng, trong đó ông B phải nộp số tiền 200.000.000đồng, số tiền còn lại công ty H hỗ trợ vay giúp. Công ty H sẽ hoàn trả cho ông B số tiền đặt cọc trong thời hạn 05 ngày làm việc (không kể ngày lễ, thứ 7, chủ nhật) sau khi chị T trở về Việt Nam theo đúng lịch trình của tour du lịch. Trường hợp chị T không trở về Việt Nam theo đúng lịch trình của tour và quy định về xuất nhập cảnh của Đại sứ quán Hàn Quốc thì ông B phải bồi thường cho công ty H số tiền 300.000.000đồng mà ông đặt cọc bảo lãnh cho chị T. Trong 05 lần đi du lịch 04 lần sau khi chị T quay trở về Việt Nam hai bên đã quyết toán và thanh lý xong hợp đồng. Đối với lần du lịch Hàn Quốc thứ 5 của chị T từ ngày 19/11/2019 đến ngày 19/02/2020 ông B đã nộp cho công ty H số tiền đặt cọc 240.000.000đồng, công ty H hỗ trợ số tiền còn lại 60.000.000đồng. Thực hiện hợp đồng chị T đã quay về Việt Nam theo thỏa thuận nhưng công ty H chỉ thanh toán trả lại cho ông B số tiền 120.000.000đồng, còn nợ lại số tiền 120.000.000đồng ông B đã nhiều lần yêu cầu công ty H thanh toán trả lại cho ông nhưng công ty H đưa ra nhiều lý do không thanh toán. Vì vậy, ông B đề nghị Tòa án buộc công ty H phải trả lại cho ông số tiền 120.000.000đồng. Tại đơn khởi kiện ông B yêu cầu Công ty H phải thanh toán khoản tiền lãi trên số tiền chậm trả mức lãi suất là 10%/năm tạm tính từ tháng 4/2019 đến tháng 8/2021 số tiền 33.600.000đồng.

Tại phiên tòa ông B xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ông B không yêu cầu công ty H phải thanh toán số tiền lãi 33.600.000đồng. Ngoài ra ông B không còn yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Công ty H vắng mặt tại phiên tòa, tại đơn yêu cầu phản tố ngày 15/11/2021 bà Nguyễn Thị Mai C là người đại diện theo pháp luật của Công ty H trình bày:

Công ty H và ông B đã nhiều lần thanh toán hợp đồng dịch vụ nhưng chưa có kết quả. Về yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn B đối với Công ty H về số tiền đặt cọc 120.000.000đồng và số tiền lãi phát sinh từ tháng 4/2019 đến tháng 8/2021. công ty H hoàn toàn đồng ý trả cho ông B số tiền gốc, lãi ông B yêu cầu. Nhưng

công ty H yêu cầu ông B phải thanh toán hoàn trả cho công ty toàn bộ số tiền phục vụ cho con ông B là chị Nguyễn Thị Kim T 04 lần đi Hàn Quốc và 01 lần đi Trung Quốc cụ thể phí lên hồ sơ 05 lần 45.000.000đồng; tráng visa 5 lần 150.000.000đồng; phí xin multiple 05 lần 80.000.000đồng; chi phí xe đưa đón 05 lần 15.000.000đồng; chi phí lãi vay hộ 7,8%/năm lần cuối cùng của 60.000.000đồng là 4.680.000đồng. Tổng số tiền 294.680.000đồng, số tiền chi phí đã nộp 230.000.000đồng. Công ty H yêu cầu ông B phải thanh toán cho Công ty H số tiền còn lại 64.680.000đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã vi phạm các quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án không có lý do.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 26, 35, 39, 227, 228, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự và các điều 166, 274, 275, 278, 280, 328 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn B, buộc công ty H phải hoàn trả cho ông Bùi Văn B số tiền 120.000.000đồng. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn B đối với công ty H về khoản tiền lãi trên số tiền chậm thanh toán 33.600.000đồng. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của Công ty H về việc yêu cầu ông Bùi Văn B phải thanh toán cho công ty H số tiền 64.680.000đồng;

Về án phí: Công ty H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền ông Bùi Văn B được chấp nhận theo quy định, sung vào công quỹ Nhà nước số tiền tạm ứng án phí Công ty H đã nộp. Trả lại cho ông Bùi Văn B số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về việc xác định lại quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại thông báo thụ lý vụ án, quyết định đưa vụ án ra xét xử Tòa án xác định đây là vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng dịch vụ. Để đảm bảo đúng quy định, Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật giải quyết vụ án là tranh chấp kiện đòi tiền đặt cọc. Nguyên đơn ông Bùi Văn B khởi kiện Công ty H có địa chỉ trụ sở: Số 21, tổ 4, Thị trấn A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và các điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của Công ty H: Tại phiên tòa người đại diện theo pháp luật của Công ty H bà Nguyễn Thị Mai C vắng mặt lần 2 không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự nêu trên theo quy định.

- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp, lời khai của các đương sự, các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập Hội đồng xét xử xét thấy: Công ty H đã cung cấp dịch vụ cho chị Nguyễn Thị Kim T là con gái ông Bùi Văn B 05 lần đi du lịch nước ngoài cụ thể lần 1 từ ngày 29/8/2018 đến ngày 29/11/2018; lần 2 từ ngày 06/01/2019; lần 3 từ ngày 02/4/2019 đến ngày 02/7/2019; lần 4 từ ngày 19/8/2019 đến ngày 19/11/2019; lần 5 từ ngày 19/11/2019 đến ngày 19/02/2020, trong đó đi du lịch tại Hàn Quốc 4 lần và đi du lịch Hồng Kông 01 lần. Để bảo lãnh cho chị Nguyễn Thị Kim T, tháng 9/2019 ông Bùi Văn B và công ty H ký hợp đồng bảo lãnh không số./HĐBL-2019. Nội dung hợp đồng công ty H tổ chức cung cấp cho ông Bùi Văn B các dịch vụ trong chương trình thăm quan du lịch tại Hàn Quốc trong thời gian từ ngày 20/4/2019 đến ngày 08/5/2019. Bảo đảm quyền lợi cho công ty H trước Đại sứ quán Hàn Quốc trong việc sử dụng pháp nhân công ty H bảo lãnh làm thủ tục xin visa đi du lịch cho chị T cũng như đảm bảo sự quay trở về Việt Nam của chị T theo thỏa thuận ông B đặt cọc cho công ty H số tiền 300.000.000đồng. Trong đó ông B phải nộp số tiền 200.000.000đồng, số tiền còn lại công ty H hỗ trợ vay giúp. Quá trình giải quyết vụ án, công ty H không có quan điểm trình bày cụ thể về hợp đồng giữa hai bên gửi Tòa án. Tuy nhiên căn cứ vào thông báo ngày 09/6/2021 của công ty H gửi ông B cũng như đơn phản tố công ty H đều phù hợp với lời khai của ông B về thời gian, số tiền đặt cọc ông B đã nộp cho công ty H cho chị T đi du lịch.

[4] Sau khi nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án, công ty H có đơn phản tố đồng ý thanh toán cho ông B số tiền 120.000.000đồng là khoản tiền ông B đã đặt cọc cho chị Nguyễn Thị Kim T trong kỳ du lịch lần thứ 5 từ ngày 19/11/2019 đến ngày 19/02/2020. Lời trình bày của công ty H phù hợp với lời khai của ông B, theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tình tiết không phải chứng minh. Như vậy, căn cứ vào các điều 166, 208 Bộ luật Dân sự buộc công ty H phải hoàn trả cho ông Bùi Văn B số tiền 120.000.000đồng.

[5] Về khoản tiền lãi: Tại phiên tòa ông Bùi Văn B xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với công ty H về khoản tiền lãi trên số tiền chậm trả 33.600.000đồng. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông B là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn B đối với Công ty H đã rút về số tiền lãi suất chậm thanh toán nêu trên.

[6] Về yêu cầu phản tố của công ty H: Công ty H yêu cầu ông B phải thanh toán cho công ty chi phí cho chị Nguyễn Thị Kim T 04 lần đi Hàn Quốc và 01 lần đi Trung Quốc số tiền 64.680.000đồng. Để có căn cứ giải quyết yêu cầu của công ty H đối với ông B, Tòa án đã tiến hành triệu tập công ty H đến Tòa án để giải quyết vụ án cũng như cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của công ty nhưng công ty H đều vắng mặt không có lý do, không có quan điểm trình bày, không cung cấp chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tiến hành xác minh công ty không còn hoạt động tại địa chỉ trụ sở đăng ký theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật của công ty bà Nguyễn Thị Mai C

không có mặt tại nơi cư trú. Để đảm bảo việc giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định. Tại khoản 3 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự các đương sự phải cung cấp đầy đủ chính xác địa chỉ nơi cư trú, trụ sở của mình trong quá trình giải quyết vụ án. Nếu có thay đổi địa chỉ nơi cư trú, trụ sở thì phải thông báo kịp thời cho đương sự khác và Tòa án. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Do công ty H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào các điều 200, 202, điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của công ty H.

- Về án phí và quyền kháng cáo:

[7] Về án phí: Công ty H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Sung vào công quỹ Nhà nước số tiền công ty H đã nộp tạm ứng án phí đối với yêu cầu phản tố. Trả lại cho ông B số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn pháp luật quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; các điều 35, 39, 147, 200, 202, 217, 218, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ các điều 166, 274, 275, 278, 280, 328 Bộ luật Dân sự; Điều 6; Điều 18; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Văn B đối với Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ DAEFSHIN H, buộc: Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ DAEFSHIN H phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Bùi Văn B số tiền 120.000.000đồng (một trăm hai mươi triệu đồng).

2. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn B đối với Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ DAEFSHIN H đã rút về số tiền lãi suất chậm thanh toán 33.600.000đồng

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ DAEFSHIN H về việc buộc ông Bùi Văn B phải thanh toán cho Công ty số tiền 64.680.000đồng.

Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí: Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ DAEFSHIN H phải nộp số tiền 6.000.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Sung vào ngân sách Nhà nước

số tiền 1.617.000đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ DAEFSHIN H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng (biên lai số 0004030 ngày 22 tháng 11 năm 2021). Trả lại cho ông Bùi Văn B số tiền 3.840.000đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng (biên lai số 0004010 ngày 09 tháng 11 năm 2021).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

6. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND T.P Hải Phòng
- VKSND T.P Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục THADS huyện An Dương;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Hương